

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

NGHIÊN CỨU NGUYÊN ÂM TIẾNG SƠN TÂY (Trường hợp các huyện Quốc Oai, Thạch Thất, Ba Vì)

TRỊNH CẨM LAN*

TÓM TẮT: Dựa trên cứ liệu điều tra các biến thể ngữ âm địa phương ở ba huyện Quốc Oai, Thạch Thất, Ba Vì (Hà Tây cũ), bài viết phân tích những biến đổi của nguyên âm tiếng Việt ở các khu vực nói trên. Có 4 nguyên âm trong hệ thống xuất hiện những biến thể khác biệt đáng chú ý, đó là: /ie/, /u/, /ɤ/ và /ɔ/.

Khảo sát cứ liệu tiếng Mường hiện nay, cứ liệu tiếng Việt thế kỉ 17 (qua Từ điển A.de. Rhodes) và cứ liệu tiếng Việt thế kỉ 19 (qua Từ điển Tabert) và so sánh với một số kết quả nghiên cứu khác, chúng tôi xác định các biến thể của bốn nguyên âm nói trên tại địa bàn khảo sát là các biến thể cổ, kết quả đó chứng thực một số diễn biến trong lịch sử tiếng Việt: *e > ie, *ux > u, *u > ɤ và *ɔ > ɔ. Những diễn biến này đã để lại một số lưu tích của chúng ở một số phương ngữ Việt, nhất là những vùng có tiếp xúc với tiếng Mường.

Để hỗ trợ việc phân tích và thảo luận, một số dữ liệu địa-lịch sử phản ánh mối liên hệ ngôn ngữ, văn hoá, tộc người và những cứ liệu ngôn ngữ học về quá trình chia tách Việt - Mường cũng sẽ được sử dụng để giải thích rõ hơn về nguồn gốc ngôn ngữ và các kịch bản lịch sử đã diễn ra trong các giai đoạn phát triển của tiếng Việt ở khu vực này. Bài viết hi vọng sẽ thúc đẩy việc nghiên cứu để ghi lại đặc điểm của các phương ngữ cổ trước khi chúng biến mất trong cơn lốc hiện đại hóa, đô thị hóa và san bằng phương ngữ.

TỪ KHOẢ: tiếng Sơn Tây; thổ ngữ; nguyên âm đơn; nguyên âm đôi; nguyên âm ngắn; nguyên âm dài.

NHẬN BÀI: 06/02/2023.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 06/03/2023

1. Đặt vấn đề

Xứ Đoài là vùng đất vốn được xem là cái nôi của người Việt cổ (Trần Quốc Vượng, 1997; Lâm Bá Nam, 1997; Nguyễn Lương Bích, 1997), là một trong tứ trấn bảo vệ Thăng Long. Mặc dù địa giới hành chính có nhiều biến động qua các thời kì nhưng đây vẫn là một vùng đất có những đặc trưng lịch sử - văn hoá - ngôn ngữ tồn tại bền bỉ trước những biến động của thời gian. Xứ Đoài cũng là một vùng có tiếng nói đặc biệt, tiếng nói ấy được định danh là *tiếng Sơn Tây*. Nét đặc biệt trong tiếng Sơn Tây được cho là tạo bởi ngữ điệu và thanh điệu là chính. Dựa vào đó mà nhân dân phân biệt tiếng làng này nặng, tiếng làng kia nhẹ, làng này nói ngọt, làng kia nói chua [Hoàng Thị Châu, 2004, 2014, tr.205]. Tuy nhiên, không chỉ ngữ điệu và thanh điệu, tiếng Sơn Tây còn dễ nhận ra bởi âm sắc đặc biệt trong phát âm một số âm vị trong các thành phần đoạn tính, nhất là nguyên âm. Và điều quan trọng là, những nguyên âm sẽ được xét đến trong bài còn thể hiện rằng vùng thổ ngữ này còn bảo lưu khá nhiều nét cổ xưa của tiếng Việt.

Theo ghi nhận của các nhà nghiên cứu thì xứ Đoài là nơi “bảo lưu cơ tầng văn hoá lúa nước của thủ đô Thăng Long” (Phạm Đức Dương, 1997). Còn 2 trung tâm lớn của xứ Đoài - Sơn Tây là hai lộ/ phủ/ trấn Quảng Oai (hầu hết đất của Ba Vì hiện nay) và Quốc Oai (bao gồm cả Thạch Thất ngày nay) trải suốt các đời Trần, Lê. Sang đời Nguyễn thì trung tâm của Sơn Tây - xứ Đoài vẫn là hai phủ Quốc Oai (nay gồm các huyện Quốc Oai, Thạch Thất, Đan Phượng, Mỹ Đức, Chương Mỹ, Từ Liêm mà trung tâm phủ là Quốc Oai và Thạch Thất) và Quảng Oai (nay là huyện Ba Vì) (Đặng Văn Tu, Nguyễn Tá Nhí, 2011, tr.15-17). Như vậy, hai trung tâm lớn của xứ Đoài - Hà Tây sẽ là các huyện

* PGS.TS; Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội;

Email: tclan.vnu@gmail.com

Quốc Oai, Thạch Thất (trung tâm dưới đồng bằng) và Ba Vì (trung tâm trên vùng bán sơn địa). Bên cạnh đó, Ba Vì còn được lịch sử ghi nhận là nơi tồn tại và phát triển của lớp cư dân tổ tiên của người Việt và cả người Mường hiện nay (Lâm Bá Nam, 1997), được xem là “địa bàn gốc”¹ của người Việt - Mường chung (Trần Quốc Vượng, 1997). Đây là hai trung tâm tiếp nhận và lan toả văn hoá - ngôn ngữ xứ Đoài. Đó là lí do chúng tôi lựa chọn các huyện này để khảo sát.

Mục đích của bài viết là: (1) Miêu tả đặc điểm ngữ âm - âm vị học các biến thể ngữ âm địa phương của nguyên âm tiếng Việt, một nguyên âm đôi hàng trước /ie/, hai nguyên âm đơn hàng giữa là /u/ và /ɤ/, một nguyên âm ngắn hàng sau tròn môi /ɔ/ ở các huyện Quốc Oai, Thạch Thất, Ba Vì bằng tư liệu đồng đại; (2) So sánh biến thể của 3 nguyên âm đó với các biến thể tương đương trong nghiên cứu của những người đi trước và trong một số từ điển; (3) Tìm cách lí giải nguyên nhân tồn tại của những biến thể đó bằng các cứ liệu liên ngành để hiểu căn nguyên của những biến đổi từ góc nhìn lịch đại.

2. Một số khái niệm cơ bản

Thổ ngữ (patois) là khái niệm thường được dùng để nói về hình thái nông thôn của ngôn ngữ, hình thái này thường có sự phân bố về mặt địa lí hẹp hơn phương ngữ (R.Wardhaugh, 2010). Hầu hết các nhà nghiên cứu đều cho rằng thổ ngữ là biến thể tồn tại trong một không gian hẹp, có những đặc trưng đặc biệt so với phương ngữ lớn bao quanh hoặc cái ngôn ngữ mà nó là biến thể [Trịnh Cẩm Lan, 2017]. Những đặc trưng này thường thể hiện ở việc phát âm mang tính đặc thù, còn gọi là *thổ âm* [Nguyễn Văn Khang, 2012], có thể có một số từ ngữ riêng khác với biến thể phổ biến... Ngay trên địa bàn Hà Nội, có sự tồn tại một số thổ ngữ như Cổ Nhuế, Triều Khúc (Từ Liêm), Sơn Tây, Ba Vì (Hà Tây cũ), Bát Tràng (Gia Lâm)... [Trịnh Cẩm Lan, 2017], xa hơn chút nữa là các thổ ngữ duyên hải Bắc Bộ như Thuỷ Nguyên, Kiến Thụy (Hải Phòng), Vân Đồn, Quảng Yên (Quảng Ninh), Thái Thụy, Tiền Hải (Thái Bình) [Nguyễn Tài Thái, 2019]. Khu vực Bắc Trung Bộ có thổ ngữ làng Hến (Hà Tĩnh), Nghi Lộc (Nghệ An) [Alves 1995; Andrea 2016],...

Nguyên âm (vowel) là âm tố có bản chất âm học là tiếng thanh, được tạo ra bởi luồng không khí từ phổi đi lên và thoát ra ngoài một cách tự do, không gặp một sự cản trở nào (Đoàn Thiện Thuật, 2016, tr.24). Các tiêu chí khu biệt nguyên âm thường được nhắc đến trong truyền thống là *độ mở của miệng* (hay độ nâng của lưỡi), *vị trí của lưỡi* và *hình dáng của môi*. Với độ mở của miệng, ta có *nguyên âm rộng* (hoặc thấp) như /ɛ/, /a/ và *nguyên âm hẹp* (hoặc cao) như /i/, /u/, /ʊ/. Với vị trí của lưỡi, ta có *nguyên âm hàng trước* như /i/, /e/ *hàng giữa* như /u/, /a/ và *hàng sau* như /u/, /o/. Với hình dáng của môi, ta có *môi tròn* như /u/, /o/, /ɔ/ và *môi dẹt* như /i/, /e/ (Đoàn Thiện Thuật, 2016, tr.27). Ngoài ra, xét về tính cố định của nguyên âm, ta có các *nguyên âm đơn* như /i/, /e/, /a/ và có các *nguyên âm đôi* như /ie/, /ux/ và /uo/ (Đoàn Thiện Thuật, 2016, tr.31).

Trong các diễn biến của mình, các nguyên âm đơn có thể trải qua quá trình đôi hoá (sự biến đổi từ một nguyên âm đơn thành một nguyên âm đôi như e > ie trong nhiều > nhiều) hoặc ngược lại các nguyên âm đôi có thể trải qua quá trình đơn hoá (sự biến đổi từ một nguyên âm đôi thành một nguyên âm đơn (ux > u như người > ngữ). Chúng cũng có thể trải qua những diễn biến dịch chuyển về độ mở như thu hẹp độ mở từ một nguyên âm rộng thành một nguyên âm hẹp (ɤ > u như chân > chun) hay ngược lại biến đổi từ một nguyên âm hẹp thành một nguyên âm rộng (như u > o trong chui > chổi). Chúng cũng có thể có những xô dịch về trường độ của nguyên âm như biến đổi từ một nguyên âm dài thành một nguyên âm ngắn (ɔ: > ɔ như cóóc > cóc) hoặc ngược lại từ một nguyên âm ngắn thành một nguyên âm dài (ɤ > ɤ như cân > con).

3. Phương pháp và tư liệu

Nghiên cứu được thực hiện với một cuộc điều tra tại ba huyện thuộc xứ Đoài cũ gồm:

- 21 điểm điều tra tại Quốc Oai gồm 1 Thị trấn Quốc Oai và 20 xã là: Phú Mãn, Phú Cát, Hòa Thạch, Tuyết Nghĩa, Đông Yên, Liệp Tuyết, Ngọc Liệp, Ngọc Mỹ, Cấn Hữu, Nghĩa Hương, Thạch Thán, Đông Quang, Sài Sơn, Yên Sơn, Phượng Cách, Tân Hòa, Tân Phú, Đại Thành, Cộng Hòa, Đông Xuân.

- 20 điểm điều tra tại Thạch Thất, bao gồm thị trấn Liên Quan và 19 xã: Bình Phú, Bình Yên, Cẩm Yên, Cần Kiệm, Canh Nậu, Chàng Sơn, Đại Đồng, Dị Nậu, Đồng Trúc, Hạ Bằng, Hương Ngải, Hữu Bằng, Kim Quan, Lại Thượng, Phú Kim, Phùng Xá, Tân Xã, Thạch Hòa, Thạch Xá.

- 30 điểm điều tra, là 30/31 xã tại Ba Vì: Ba Trại, Ba Vì, Cam Thượng, Cẩm Lĩnh, Châu Sơn, Chu Minh, Cổ Đô, Đông Quang, Đồng Thái, Hòa Thuận, Khánh Thượng, Phú Châu, Minh Quang, Phú Cường, Phú Đông, Phú Phương, Phú Sơn, Sơn Đà, Tân Hồng, Tân Lĩnh, Tân Đức, Tây Đằng, Thái Hòa, Thuần Mỹ, Thụy An, Tiên Phong, Tòng Bạt, Vạn Thắng, Phong Vân, Vân Sơn, Vật Lại và Yên Bài.

Đây là các điểm điều tra trong khuôn khổ một đề tài nghiên cứu miêu tả các biến thể ngữ âm và từ vựng địa phương hiện hữu tại 3 huyện Quốc Oai, Thạch Thất, Ba Vì và định vị không gian hành chức của những biến thể đó trên bản đồ.

Tư liệu phục vụ cho bài viết này là biến thể ngữ âm tiếng Sơn Tây của bốn nguyên âm trong tiếng Việt có xuất hiện biến thể khác biệt tại địa bàn nghiên cứu. Các biến thể ngữ âm địa phương được mô tả đặc điểm ngữ âm - âm vị học và chỉ ra con đường biến đổi của chúng khi hành chức tại địa phương.

Để lí giải sự hiện diện của các biến thể đó, bài viết sử dụng thủ pháp so sánh, tái lập của ngôn ngữ học lịch sử và những tư liệu của một số nhà nghiên cứu đi trước như Hoàng Thị Châu, Nguyễn Tài Cẩn, Nguyễn Văn Tài cũng như tư liệu được lấy từ các từ điển như Từ điển Việt - Bồ - La, Từ điển Việt - Mường của Nguyễn Văn Khang để so sánh, tìm ra những mối quan hệ lịch sử lí giải cho sự hiện diện của các biến thể này. Ngoài ra, bài viết cũng sử dụng một số dữ liệu liên ngành khác (dữ liệu Khảo cổ học, Dân tộc học, Văn hoá tộc người, Văn hoá dân gian...) để hỗ trợ thêm cho những lập luận. Kết quả so sánh giúp lí giải thấu đáo hơn những đặc điểm của các biến thể hiện diện ở các huyện Quốc Oai, Thạch Thất, Ba Vì và những nguồn gốc của chúng.

4. Một số nguyên âm tiếng Hà Tây và các biến thể

4.1. Nguyên âm /ie/

Trong tiếng Việt, /ie/ là một nguyên âm hàng trước, có âm sắc không cố định nên gọi là nguyên âm đôi (Đoàn Thiện Thuật, 2016, tr.140). Trên chính tả, nó được viết là “iê” khi sau nó có âm cuối (tiêu, tiêm, tiền, tiếng, tiếc, tiếp, tiết...) và được viết là “ia” khi sau nó là âm cuối zero (chia lia, thìa, đĩa, đĩa...). Trong các phương ngữ Việt, nguyên âm đôi /ie/ có thể có các biến thể phát âm khác nhau: (1) /ie/ được phát âm là [ie] ở hầu hết các vùng thuộc phương ngữ Bắc (Bắc Bộ đến Thanh Hoá) và phương ngữ Trung (Nghệ An đến bắc đèo Hải Vân); (2) /ie/ được phát âm với biến thể đơn hoá như [e] trong một số từ cận thuộc phương ngữ Trung như *méng* (*miếng*), *mệng* (*miếng*), *ém* (*yếm*)... (Hoàng Thị Châu, 1989, 2004, tr.180); (3) /ie/ được phát âm với biến thể đơn hoá như [e] ở một số vùng thuộc châu thổ và trung châu Bắc Bộ như *nhều* (*nhiều*), *đều* (*điều*), *thuئن* (*thuyền*)... (Nguyễn Thái Thái, 2015, tr.69 và dữ liệu điều tra của chúng tôi); và (4) /ie/ được phát âm với biến thể đơn hoá như [i:] khi đi trước /m/ và /w/ (thành [i:m] và [i:w]) ở phương ngữ Nam (từ nam đèo Hải Vân đến mũi Cà Mau) như *chim* (*chiêm*), *tim* (*tiêm*), *hím* (*hiếm*)... (Hoàng Thị Châu, 2004, tr.174, 180, 181; Nguyễn Tài Cẩn, 1995, tr.157).

Theo dữ liệu của chúng tôi tại các điểm điều tra, /ie/ trong tiếng Sơn Tây có biến thể đơn hoá như [e] trong *nhều* (*nhiều*), *đều* (*điều*), *thuئن* (*thuyền*). Biến thể này được thấy ở 11/21 điểm điều tra thuộc Quốc Oai, bao gồm: Thạch Thán, Ngọc Mỹ, thị trấn Quốc Oai, Phương Cách, Liệp Tuyết, Tuyết Nghĩa, Phú Cát, Cần Hữu, Đông Quang, Hòa Thạch và Tân Phú. Đây hầu hết tại các xã thuộc “vùng lõi” của huyện Quốc Oai, tức là vùng ít tiếp xúc hoặc chịu sự tác động của các phương ngữ, thổ ngữ của vùng khác. Ở Thạch Thất, biến thể này có ở hầu hết các xã. Ở Ba Vì, chúng tôi quan sát được ở Phú Châu, Phú Phong, Vật Lại, Cam Thượng, Thụy Phiêu.

Bảng 1 dưới đây là một số từ tiếng Việt có /ie/ làm âm chính với biến thể của chúng ở các thổ ngữ Hà Tây và các từ tương ứng trong tiếng Mường (theo Nguyễn Văn Khang, 2002), trong Từ điển Việt - Bồ - La (A. Rhodes, 1651) và trong *Nam Việt Dương Hiệp Tự Vị* (J.L. Tabert, 1838).

Bảng 1. Một số từ có /ie/ và các biến thể phát âm trong tiếng Sơn Tây

Việt Bắc Bộ	Việt Sơn Tây	Mường NVK ²	Việt 1651 ³	Việt 1838 ⁴
biểu	bếu	biêu	biểu	biểu
duyên	duên	ziên	-	duiên
điều	đều	diêu	điều	điều
nhiều	nhều	nhiêu, nhêu	nhều	nhiều
chuyện	chuện	chiện	chuiện	chuyện
thuyền	thuئن	thiến, dơ, tơ	thuyền	thuyền

Những từ chứng được dùng trong bảng trên ở Từ điển 1651 của A.de. Rhodes đã thể hiện rằng nguyên âm đôi /ie/ tiếng Việt thế kỉ 17 vẫn có hai dạng thức [ie] và [e]. Đến thế kỉ 19 thì chỉ còn một dạng thức [ie] qua từ điển Tabert, bấy giờ, sự biến động của nguyên âm đôi này mới có vẻ như thực sự hoàn tất. Các dạng thức trong tiếng Mường thì phong phú hơn và trong đó vẫn có sự hiện diện của biến thể [e] như biến thể trong tiếng Sơn Tây.

Nhìn rộng ra, trong Từ điển 1651, nguyên âm đôi /ie/ xuất hiện cả trong những từ thuần Việt (*yá, miếng, miêng...*), cả trong những từ cổ Hán Việt vay mượn từ xa xưa (*chia, chiêm, giếng, tiếng...*) và cả trong những từ Hán Việt vay mượn gần đây hơn (*biểu, kiến, hiếm...*). Theo Nguyễn Tài Cẩn, vào thế kỉ 17, dạng thức nguyên âm đôi /ie/ xuất hiện ở các từ có nguồn gốc khác nhau như vậy cho thấy “sự đồng quy giữa các nguồn gốc đã hoàn thành” (Nguyễn Tài Cẩn, 1995, tr.158). Dữ liệu từ vựng cũng cho thấy, đa số các từ bản địa gốc Nam Á và các từ Cổ Hán Việt đều có cách phát âm nguyên âm đôi /ie/ như ngày nay. Hàng loạt các từ được Nguyễn Tài Cẩn gọi là “lưu tích” như *chiếu, đĩa, diếc, hiếm, kiến, kiêng...* tồn tại song hành cả trong tiếng Việt và tiếng Mường cho thấy nguyên âm đôi này đã tồn tại trong tiếng Việt từ rất xa xưa. Dữ liệu tiếng Mường của Nguyễn Văn Khang thể hiện trong bảng 1 cũng đã cho thấy rõ điều đó. Tuy nhiên, dữ liệu Từ điển tiếng địa phương Nghệ Tĩnh cũng cho thấy ngoài tương ứng phổ biến /ie/ Việt - /ie/ Mường, còn có một tương ứng nữa là /ie/ Việt - /e/ Mường. Dữ liệu Từ điển Việt - Mường của Nguyễn Văn Khang và dữ liệu của Nguyễn Hữu Hoành ở các phương ngữ. Cuối cùng cho thấy một số từ cận đã lưu giữ nguyên âm /e/ này [như *é/é (ía), meêng, meên (miếng), meñh, meğ (miêng)* theo Nguyễn Văn Khang; */ʔe/ (ía), /mẽñ/ (miếng)* theo Nguyễn Hữu Hoành và các cộng sự]. Xem xét các ngôn ngữ nhóm Pọng Chứt, ta gặp nguyên âm trong *miếng* (Việt) là /e/ ở các ngôn ngữ Arem, Sách, Rục, Mã Liềng, Khạ Phọng; nguyên âm trong *diếc* (Việt) là /e/ ở các ngôn ngữ Sách, Rục, Mã Liềng; nguyên âm trong *liềm* (Việt) là /e/ ở các ngôn ngữ Mày, Mã Liềng, Khạ Phọng, Maleng, Thà Vưng, Ahor và Pọng; nguyên âm trong *ía* (Việt) là /e/ ở tiếng Pọng (Nguyễn Tài Cẩn, 1995, tr.166-167). Như vậy, tương ứng /ie/ Việt - /e/ Mường, đến thời Proto Việt Chứt, ta vẫn phải phục nguyên /*e/. Theo Nguyễn Tài Cẩn, vào thời thượng cổ này, chúng ta chưa có nguyên âm đôi /ie/, nguyên âm này chỉ là kết quả diễn biến về sau của /*e/ mà thôi. Ông cũng xác nhận rằng [e] trong các từ tiếng Việt ở Nghệ Tĩnh là những từ cận Nam Á còn lại không bị biến đổi do tiếp xúc với tiếng Hán (Nguyễn Tài Cẩn, 1995, tr.156).

Tuy nhiên, ở Bắc Bộ, kết quả nghiên cứu của chúng tôi hiện đang xác nhận một diễn biến khác. Dữ liệu khảo sát tiếng Sơn Tây thể hiện ở bảng 1 cho thấy nhiều từ ngữ chứa nguyên âm đôi /ie/ được phát âm đơn hoá là [e] trong các thổ ngữ này. Sự biến đổi này không đều đặn mà xuất hiện chỉ ở một số từ. Tuy nhiên, có một điều đáng lưu ý là dữ liệu tiếng Mường cũng cho thấy biến thể đơn hoá [e] này đã và đang tồn tại trong tiếng Mường dù hãn hữu. Dữ liệu từ điển 1651 cũng cho thấy biến thể này cũng đã từng tồn tại trong tiếng Việt thế kỉ 17. Như vậy cả hai biến thể [e] và [ie] của nguyên âm đôi /ie/ đều đã tồn tại trong tiếng Mường và tồn tại ở một khoảng thời gian nào đó trong diễn biến lịch sử của nguyên âm đôi /ie/ tiếng Việt. Điều này xác nhận rằng chúng đều là các biến

thể cổ của tiếng Việt. Hai biến thể này khác với trường hợp đơn hoá theo hướng thu hẹp tối đa độ mở của miệng thành [i:] trong phương ngữ Nam mà Hoàng Thị Châu xem là một khuynh hướng biến đổi triệt để hơn, đến điểm tận cùng, không chỉ của /ie/ mà của cả ba nguyên âm đôi. Theo khuynh hướng này, một số nguyên âm tiếng Việt đã biến đổi theo hướng từ nguyên âm mở đến nguyên âm khép và cái cầu nối là nguyên âm đôi ở Phương ngữ Trung. Các quá trình từ *e > iê (mếng > miếng) hay theo dữ liệu của chúng tôi *ê > iê (đều > điều) là như vậy (Hoàng Thị Châu, 2004, tr.198). Những luận cứ vừa nêu một lần nữa cho thấy các thổ ngữ vùng xứ Đoài - Sơn Tây, cùng với các thổ ngữ Khu IV là những vùng thổ ngữ còn bảo lưu nhiều yếu tố cổ của tiếng Việt.

4.2. Nguyên âm /u/ trong vần /uj/

Trong tiếng Việt, /u/ là một nguyên âm đơn hàng giữa, có độ mở hẹp nhất, âm lượng ở bậc cực nhỏ (Đoàn Thiện Thuật, 2016, tr.143). Trên chính tả, /u/ nói chung, /u/ vần /uj/ nói riêng đều được viết là “ư/ưi” (*gửi, nghĩ, cử, chửi...*). Trong các phương ngữ Việt, vần /uj/ có các biến thể phát âm khác nhau: (1) /uj/ được phát âm là [uj] ở hầu hết các vùng thuộc phương ngữ Bắc và phương ngữ Trung; (2) /uj/ được phát âm với biến thể nhược hoá âm cuối, gần như [u:] trong hầu khắp phương ngữ Nam như *ngư (ngưi), cử (cửi)*,... (Hoàng Thị Châu, 2004, tr.181, 184); (3) /uj/ được phát âm với biến thể nguyên âm đôi hoá như [ux] ở một số vùng thuộc Bắc Bộ như *gười (gửi), cười (cửi), chười (chửi)*... (Nguyễn Tài Thái, 2015, tr.70).

Kết quả khảo sát của chúng tôi tại các huyện Quốc Oai, Thạch Thất, Ba Bì cũng chia sẻ với kết quả mà Nguyễn Tài Thái đã thu được. Theo đó, vần /uj/ được phát âm với biến thể [uxj], tức với một nguyên âm có xu hướng đôi hoá, cùng hàng. Điều quan trọng đây là một biến đổi đều đặn, xảy ra ở mọi từ chứa vần này⁵ và được quan sát thấy ở hầu hết các điểm điều tra.

Để lí giải cho sự hoạt động đều đặn của biến thể này tại địa bàn khảo sát, chúng tôi cũng xác lập các tương ứng qua bảng 2 dưới đây.

Bảng 2. Các từ có /uj/ và các biến thể phát âm trong tiếng Sơn Tây

Việt Bắc Bộ	Việt Sơn Tây	Mường NVK/NVT ⁶	Việt 1651	Việt 1838
cử	cười	-	cử	-
chửi	chười	chười (NVK); cuəj ⁴ (NVT)	-	chười
gửi	gười	kời (NVK); kɤj ⁴ , ɣuəj ⁵ (NVT)	gười	-
ngửi	người	hít (NVK); hit ³ , ɳuəj ⁴ (NVT)	người	-

Rõ ràng là trong lịch sử tiếng Việt đã từng có sự hiện diện của một nguyên âm đôi /ux/ trong vần /uxj/ ở ít nhất ¾ âm tiết chứa vần này từ rất xa xưa (được ghi nhận trong các phương ngôn Mường) rồi sau đó mới biến đổi thành /u/ trong vần /uj/ và hoàn tất quá trình đó muộn nhất là vào thế kỉ 19. Đáng lưu ý là những biến thể như *cuəj⁴ (chửi)*, *ɣuəj⁵ (gửi)* hay *ɳuəj⁴ (ngửi)* trong tư liệu của Nguyễn Văn Tài hầu hết thuộc các phương ngôn Bắc (vùng Sơn La) và phương ngôn Trung (vùng Hoà Bình, Ba Trại), trong đó có nơi có sự tiếp xúc, đan xen, thậm chí cộng cư và hoà huyết giữa các cư dân Việt và Mường như tại Hà Tây cũ. Điều này chứng tỏ rằng biến thể đôi hoá nguyên âm trong /uj/ thành [uxj] ở xứ Đoài - Sơn Tây là một biến thể cổ [*uxj]. Điều này cũng được xác nhận trong nghiên cứu của Nguyễn Tài Căn khi ông đi tìm lại nguyên của U. Theo ông, cũng như Ơ, Ậ, nguyên âm U có rất nhiều biến thể, ví dụ: *gửi - gỏi - gười*, có khi biến thể cổ ở vùng này, biến thể mới lại ở vùng kia, thậm chí trong một vùng có thể có cả hai biến thể với sự phân bố khác nhau về chức năng (Nguyễn Tài Căn, 1995, tr.174). Ông cũng cho rằng “gửi” trong bảng từ của Nguyễn Văn Tài là một từ cổ Hán Việt được vay vào đời Tây Hán (ở tiếng Hán, từ này có cách phát âm cổ là *aj). Cuối đời Tây Hán có diễn biến *aj > *e > i như hiện thấy ở cách đọc Hán Việt (trong “kí”). Vậy từ *aj > ư (trong “gửi”) cần qua giai đoạn có ə. Như vậy, cả [*uxj] và [*ə] đều là hai biến thể cổ của /u/ trong /uj/. Điều này lí giải vì sao trong tư liệu của cả Nguyễn Văn Khang và Nguyễn Văn Tài có kời/ kɤj⁴

và có cả $ywaj^5$. Nếu Nguyễn Tài Thái cho rằng biến thể phát âm này là sự bảo lưu tiếng Việt của thế kỉ 17 (Nguyễn Tài Thái, 2015, tr.70) thì chúng tôi (với những tư liệu đã khảo cứu) cho rằng biến thể này còn có lịch sử sâu hơn nhiều. Đây chính là những lưu tích ít nhất có từ thời Việt - Mường chung, hoặc thậm chí còn có thể xa xưa hơn. Cho đến thời điểm diễn ra sự chia tách Việt Mường thì vẫn còn nguyên vẹn rồi tiếp tục phát triển theo hướng bảo lưu ở tiếng Mường (cho đến hiện nay) và đơn hoá thành nguyên âm hẹp nhất của hàng giữa /u/ phổ biến ở hầu hết các phương ngữ trong tiếng Việt. Những ảnh hưởng của một không gian cư trú pha trộn dẫn đến những ảnh hưởng về mặt văn hoá và cả ngôn ngữ đã được phản ánh trong những cách phát âm cổ ít thấy ở châu thổ Bắc Bộ nhưng lại có ở xứ Đoài - Sơn Tây. Như vậy, biến thể của /u/ trong vần /uj/ tiếng Sơn Tây đã chứng thực một diễn biến của lịch sử tiếng Việt: đơn hoá nguyên âm đôi hàng giữa $*uə > u$ ($*uə > /u/$).

4.3. Nguyên âm /ɿ/

Trong tiếng Việt, /ɿ/ là một nguyên âm đơn hàng giữa, âm sắc trung hoà (Đoàn Thiện Thuật, 2016, tr.152). Trên chính tả, /ɿ/ được viết là đồng loạt là “â” (mây, sân, tuân, nhất, chấp, tập nập...). Trong các phương ngữ Việt, /ɿ/ có thể có các biến thể phát âm khác nhau: (1) /ɿ/ được phát âm là [u] trong các vần [un/ut, uɲ/uk] ở một số vùng thuộc phương ngữ Trung rồi từ đây thâm nhập dần vào phương ngữ Nam như *chân* > *chun*, *phân* > *phun*, *nhất* > *nhút*, *nhật* > *nhút*, *vàng* > *vung*, *gác* > *gúc*, *bạc* > *bục*; những vần có âm đệm như /-wɿn -wɿ/ trong phương ngữ Bắc được phát âm thành [wun/wut] trong phương ngữ Trung (tuần sản xuất làm quần quật > tuồng sản xuất làm wừn wựt) (Hoàng Thị Châu, 2004, tr.179; Nguyễn Văn Tài, 2005, tr.135). (2) /ɿ/ trong vần /ɿj/ được phát âm là [ej] ở một số vùng thuộc phương ngữ Bắc, đặc biệt là khu vực Sơn Tây như *cây* > *cêy*, *đây* > *đêy*, *đây* > *đêy*... (Nguyễn Tài Thái, 2015, tr.71).

Kết quả khảo sát tại các huyện Quốc Oai, Thạch Thất, Ba Vì cho thấy /ɿ/ trong các thổ ngữ khu vực này, ngoài biến thể như tiếng Việt phổ thông tỏ ra chiếm ưu thế, thì còn được phát âm với cả hai biến thể địa phương trên đây: /ɿ/ > [u] trong [un/ut]; /ɿ/ thành [e] trong [ej]. Điều quan trọng đây là những biến đổi đều đặn ở hầu hết các âm tiết chứa vần tương ứng nhưng lại có những biến đổi khác nhau ở các chu cảnh ngữ âm khác nhau (khi kết hợp với các âm cuối khác nhau). Tư liệu ghi nhận rằng biến thể [u] hiện diện ở nhiều địa phương thuộc Quốc Oai, hầu hết các xã thuộc Thạch Thất và hầu như chỉ có ở xã Phú Yên, Phú Phong, Vật Lại thuộc Ba Vì. Quan sát về mặt xã hội, chúng tôi thấy biến thể [e] hoạt động ở hầu hết các điểm điều tra nhưng chủ yếu gặp ở người già và các phụ nữ nông dân.

Bảng 3. Các từ có /ɿ/ và các biến thể phát âm trong tiếng Sơn Tây

Việt Bắc Bộ	Việt Sơn Tây	Mường NVK/NVT	Việt 1651	Việt 1838
chân	chun	chân	-	-
bản	bun	bản	-	bản
cây	cêy	kâl (NVK); kɿn ² , kɿl ² , kɿw ¹ (NVT)	cây	cây
đây	đêy	đăi (NVK); tɿ ¹ , đɿ ¹ , lăm ¹ (NVT)	đêy	đây
lấy	lêy	lê (NVK); lê ⁵ (NVT)	lêy	-

Ở tiếng Mường, mặc dù Từ điển của Nguyễn Văn Khang và các bảng từ của Nguyễn Văn Tài đều cho thấy biến thể [ɿ] như ngày nay nhưng khi phân tích những biến đổi lịch sử của nguyên âm hàng giữa (hay gọi là hàng sau không tròn môi), Nguyễn Văn Tài đã chỉ ra tính chất phức tạp của chúng. Theo ông, nguyên âm $*u$ không có đối lập ngắn dài nhưng trong các ngữ cảnh khác nhau, tính chất dài - ngắn của $*u$ vẫn được thể hiện. Trong các âm tiết không có âm cuối thì $*u > ɿ$ (điều này được bảo lưu nhiều trong tiếng Mường). Trong các âm tiết có âm cuối, $*u$ bị rút bớt trường độ

để bù đắp cho việc phát âm âm cuối. Hiện tượng này bảo lưu khá nhiều trong các thổ ngữ Việt từ Nghệ Tĩnh trở vào (*chum - chân, nung - nâng, từng - tăng, bực - bậc, nức - nấc, bực - bắc, gưn - gần, vung - vâng...*) (Nguyễn Văn Tài, 2005, tr.134-135). Như vậy, biến thể [u] trong tiếng Sơn Tây là hình bóng của một nguyên âm *u từ xa xưa trong tiếng Mường chứ không phải không thể tìm ra lai nguyên của nó. Còn Nguyễn Tài Cẩn, khi đi tìm lai nguyên của vần ÂY/ÂU đã cho rằng tiếng Mường còn bảo lưu được âm thượng cổ *i và *u (chí > chảy, gú/cụ > gấu) và dạng trung gian ê, ô trên con đường diễn biến từ *i đến ÂY và từ *u đến ÂU (Nguyễn Tài Cẩn, 1995, tr.179). Như vậy, cũng như biến thể [u], biến thể [e] của /ɜ/ trong “cây, đầy” ở địa bàn nghiên cứu vẫn phản ánh bóng dáng xa xôi của một lát cắt thời gian trong lịch sử phát triển của tiếng Việt. Biến thể [e], mặc dù ít được phản ánh trong những từ tương ứng tiếng Mường nhưng lại xuất hiện khá phổ biến trong tiếng Việt thế kỉ 17 và có vẻ như đang tiếp tục quá trình diễn biến từ một biến thể địa phương nào đó ở Đàng Trong rồi hoàn tất quá trình này vào thế kỉ 19. Đến Từ điển Tabert, /ɜ/ đã được phát âm đúng như ngày nay.

4.4. Nguyên âm /ɜ/

Trong tiếng Việt, /ɜ/ là một nguyên âm đơn dòng sau, tròn môi, chỉ đứng trước cặp phụ âm cuối /ŋ/ và /k/. Đó là lí do đối với nguyên âm này, chúng tôi sẽ xét nó trong cặp vần mà nó hiện diện là /ɜŋ^m/ - /ɜk^p/. Trên chính tả, cặp vần này được viết là “ong/oc” (trong, lòng, tóc, học...). Trong các phương ngữ Việt, cặp vần /ɜŋ^m/ - /ɜk^p/ có thể có các biến thể phát âm khác nhau: chúng được phát âm với nguyên âm ngắn và phụ âm cuối /ŋ/, /k/ mỗi mạt [ɜŋ^m] - [ɜk^p] ở hầu hết các vùng thuộc phương ngữ Bắc và phương ngữ Trung, toàn bộ vùng phương ngữ Nam (Hoàng Thị Châu, 2004, tr.174, 180). Nó được phát âm với một nguyên âm đơn dài cùng độ mở, cùng hàng và phụ âm cuối /ŋ/, /k/ không môi mạt [ɔ:ŋ] - [ɔ:k] trong các vần được chữ Quốc ngữ ghi là “oong”/ “ooc” (*học, thóc, đọc, xoong, coong, moong...*) ở một số địa phương thuộc phương ngữ Bắc (Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hà Tây) và một số địa phương thuộc phương ngữ Trung và phương ngữ Nam (Hoàng Thị Châu, 2004, tr.74, 180, 181; Nguyễn Tài Cẩn, 1995, tr.131).

Kết quả khảo sát của chúng tôi tại địa bàn nghiên cứu cho thấy cặp vần /ɜŋ^m/ - /ɜk^p/ trong các thổ ngữ khu vực này được phát âm với biến thể thứ hai như mô tả trên đây, tức với một nguyên âm đơn dài cùng độ mở, cùng hàng và phụ âm cuối /ŋ/, /k/ không môi mạt [ɔ:ŋ] - [ɔ:k]. Điều quan trọng đây là một biến đổi đều đặn, xảy ra ở mọi từ chứa cặp vần này và được quan sát thấy ở tất cả các điểm điều tra. Để tìm cứ liệu lí giải cho sự hoạt động đều đặn, rộng khắp của biến thể này tại khu vực xứ Đoài - Tây nói chung, ba huyện trong phạm vi địa bàn khảo sát nói riêng, căn cứ vào mối quan hệ Việt - Mường trong suốt chiều dài lịch sử tại khu vực này, chúng tôi đã so sánh với tư liệu tiếng Mường để đi tìm những tương ứng có thể xem là bằng chứng cho mối quan hệ đó.

Bảng 4 dưới đây là một số từ tiếng Việt với biến thể ở các thổ ngữ Quốc Oai, Thạch Thất, Ba Bi và các từ tương ứng trong tiếng Mường (Nguyễn Văn Khang, 2002), bảng từ các phương ngôn Mường (Nguyễn Văn Tài, 2005), và trong từ điển Việt - Bồ - La (A. Rhodes, 1651). Kết quả như sau:

Bảng 4. Các từ có /ɜ/ và các biến thể phát âm trong tiếng Sơn Tây

Việt Bắc Bộ	Việt Sơn Tây	Mường NVK	Mường NVT	Việt 1651
bóc	boóc	boóc, poóc	pɔk ^{3/5} , bɔk ^{3/5}	bóc
cọc	coọc	koọc	kɔk ⁵	cọc
tóc	toóc	thắc, xắc	t'ăk ³ , săk ³	tóc
lòng	loòng	loòng, tlông	-	-
móng	moóng	moông	mɔŋ ³	-
trong	troong	tluong	tlɔŋ ¹ , tɔŋ ¹ , klɔŋ ^{1/2}	tlong

Trong Từ điển 1651, dạng thức nguyên âm /ɔ/ đã xuất hiện một cách khá đều đặn như ngày nay (*bóc, cộc, tóc, góc, róc, tlong...*), tuy nhiên, có một số trường hợp còn mang dạng thức của một nguyên âm đôi khép dần nhưng có sự dịch chuyển về vị trí của lưỡi, từ lưỡi giữa lùi vào lưỡi sau như *hăc (học), đăc (đọc), ngăc (ngọc), thăc (thóc)...* và biến thể này chỉ xảy ra với âm cuối /k/. Còn theo mô tả của Nguyễn Tài Cẩn, ở từ điển thế kỉ 17 này, O đã được ghi nhận, còn vần oc có khi được ghi là aoc hoặc ăoc, và ong thì đôi khi được ghi là oũ hoặc ăũ (dấu ~ là dấu mũi, thay cho NG) (Nguyễn Tài Cẩn, 1995, tr.132).

Hiện tượng phức tạp, đa biến thể của cặp vần này còn được tìm thấy ở nhiều vùng phương ngữ Việt khác. Theo Nguyễn Tài Cẩn, ở hai vần ONG/OC thì sự khác biệt giữa các vùng rất lớn: có vùng nói -ă^wη/ -ă^wk như ở Hà Nội, có vùng lại nói -a^wη/ -a^wk như ở Nam Ngãi, còn ở Bình Trị Thiên thì vẫn phát là O nhưng trường độ ngắn /ɔ/, hoặc trước NG, K tròn môi /-^wη, -^wk/, hoặc trước NG, K thường /-η, -k/ (Nguyễn Tài Cẩn, 1995, tr.131). Dữ liệu từ vựng tiếng Mường thì cho thấy rõ hầu hết tất cả các âm /ɔ/ đều được phát âm là một nguyên âm dài [ɔ] với /-η, -k/ thường, không tròn môi, giống hệt như biến thể của cặp vần này tại các thổ ngữ Hà Tây. Dữ liệu cho thấy chỉ có vài từ tiếng Mường được phát âm với nguyên âm [ă] (trường hợp *tóc* - t'ăk³, *sắc*⁵, *võng* - vă³) hay [a] (trường hợp *cóc* - krak³, rak³) (Nguyễn Tài Cẩn, 1995: 132; Nguyễn Văn Tài, 2005, tr.200, 279, 289) và dạng thức này đã được xác nhận là có sự tương ứng với một vài biến thể tiếng Việt từ phương ngữ Trung trở vào (Hoàng Thị Châu, 2004, tr.191; Nguyễn Tài Cẩn, 1995, tr.131). Ngoài ra, nói về “tính chất cổ” của tiếng địa phương Bắc Trung Bộ mà các vùng khác không có, Hoàng Thị Châu cũng đề cập đến cặp vần [-o:ng - o:k] trong các từ như *con ong (kon oong), nong (noong), bóc (bóoc), khóc (khóoc)...* Theo bà, số từ có những vần này khá lớn, nên không thể gọi là *từ cặn*, và phần lớn là thuộc vốn từ cơ bản. Cách phát âm này, theo bà, là tiêu biểu cho phương ngữ Trung nhưng rất có thể trước đây đã từng phổ biến ở Bắc Bộ. Thực tế là, nhiều địa phương thuộc phương ngữ Bắc như Phú Thọ, Sơn Tây, Vĩnh Phúc... hiện vẫn còn giữ cách phát âm các vần ong/-oc với o dài (Hoàng Thị Châu, 2004, tr.175, 176).

Như vậy, có thể, lịch sử tiếng Việt đã chứng kiến một quá trình diễn biến từ một nguyên âm đơn dài /*ɔ/ ở các vần oong/ooc với cặp phụ âm cuối /-η, -k/ không tròn môi thành một nguyên âm đơn ngắn /ɔ/ ở các vần ong/oc với /-η, -k/ tròn môi. Đây là một sự biến đổi xảy ra ở cả hai phía, phụ âm thì bị môi hoá thành /-η^m, -k^p/ còn nguyên âm thì trung hoà hoá, từ hàng sau có xu hướng nhích câu âm ra phía trước thành gần hàng giữa và điều này được ghi lại ở bước trung gian trong diễn biến ấy qua Từ điển của A.de. Rhodes năm 1651 (*aoc* hoặc *ăoc*) (Hoàng Thị Châu, 2004, tr.175). Điều này tương ứng với những ghi nhận của Nguyễn Tài Cẩn về sự tồn tại của -ă^wη/ -ă^wk (ở Hà Nội) hay -a^wη/ -a^wk (ở Nam Ngãi) hay một O có trường độ ngắn trước NG, K không tròn môi gần như [ă] (ở Bình Trị Thiên) và rải rác các vùng thuộc phương ngữ Trung và Nam Trung Bộ như nêu trên. Thật vậy, sự phản ánh tiếng Việt thế kỉ 17 ở Đàng Trong của từ điển 1651 đã ghi nhận được bước trung gian này (*ɔ > ă/a > ɔ) hoặc một sự biến đổi thẳng (*ɔ > ɔ).

Như vậy, có lẽ biến thể của /ɔ/ trong các từ tiếng Việt ở tiếng Sơn Tây như đã trình bày là những cách dùng đã không bị biến đổi trong quá trình diễn biến từ một /*ɔ/ thành /ɔ/ mà tiếng Mường đã lưu lại của ngôn ngữ tiền thân Proto Việt - Mường hoặc thậm chí cổ hơn và giờ đây vẫn còn được lưu lại ở một số vùng của tiếng Việt có tiếp xúc gần gũi với tiếng Mường. Như vậy, biến thể [ɔ] trong cặp vần oong/ooc với phụ âm cuối không tròn môi hiện diện ở một số vùng thuộc Bắc Bộ, trong đó có Hà Tây cũ thực sự có một độ sâu lịch sử rất đáng chú ý.

5. Quá trình chia tách Việt-Mường và một số cứ liệu liên ngành khác

5.1. Cứ liệu về sự chia tách ngôn ngữ Việt-Mường

Về mặt ngôn ngữ, các nhà nghiên cứu lịch sử tiếng Việt đều khẳng định tiếng Việt và tiếng Mường cùng bắt nguồn từ một ngôn ngữ - ngôn ngữ Proto Việt-Mường [Haudricourt, 1954; Nguyễn Văn Tài, 1974; Phạm Đức Dương, 1983; Alves, 1995; Trần Trí Dõi, 2011,...]. Theo Phạm Đức Dương, khối cư dân Proto Việt - Mường ban đầu được cho là phân bố rất rộng ở miền tây Khu 4 và

Tây Trường Sơn. Rồi, một số bộ lạc Việt - Mường này đã thiên di ra phía bắc khi đồng bằng Bắc Bộ còn ngập nước. Họ dừng lại ở các vùng trung du ven đồng bằng và tiếp xúc với các bộ lạc Tày cổ phân bố rất rộng xung quanh vịnh Hà Nội. Trong số các vùng này, Sơn Tây - xứ Đoài (cùng với Phú Thọ) là trung tâm. Tại đây, tiếng Tiền Việt - Mường chuyển hoá thành tiếng Việt - Mường chung mà hệ thanh điệu khi đó đã đủ 6 thanh với sự đối lập 2 âm vực và 3 tuyến điệu [Phạm Đức Dương, 1983, tr.124-125]. Các tác giả cũng thừa nhận sự chia tách Việt - Mường là quá trình tự thân của hai ngôn ngữ chứ không phải kết quả của sự di cư như một số nhóm tộc người khác, chẳng hạn, sự chia tách Mèo và Dao, sự chia tách Thái Đen, Thái Trắng với Tày, Nùng... mà Nguyễn Văn Lợi (2009) đã khẳng định. Quá trình chia tách Việt - Mường bắt đầu xuất hiện khi có sự phân hóa giữa biến thể đồng bằng và biến thể miền núi của tiếng Việt - Mường chung. Biến thể đồng bằng, do tiếp xúc với ngôn ngữ và văn hoá Hán, đã chịu ảnh hưởng mạnh từ ngôn ngữ này. Kết quả của sự biến đổi từ vựng và ngữ âm do ảnh hưởng hoặc vay mượn từ tiếng Hán đã làm cho ngôn ngữ của cư dân nói tiếng Việt - Mường chung ở đồng bằng sông Hồng dần dần tách biệt với ngôn ngữ của cư dân vùng núi - tại các “Mường”⁷ thuộc Sơn Tây, Hòa Bình, Phú Thọ. Căn cứ tỉ lệ 67,4% từ vựng chung giữa tiếng Mường Hoà Bình, Sơn La và tiếng Việt Hà Nội, Nguyễn Tài Cẩn cho rằng sự chia tách Việt-Mường đã bắt đầu vào khoảng thế kỉ VIII sau CN và được cho là hoàn tất vào khoảng thế kỉ XI-XII [Nguyễn Tài Cẩn, 1995, tr.277-278]. Trong diễn biến lịch sử này, xứ Đoài - Sơn Tây là vùng chuyển tiếp. Những tương đồng ở cả đặc điểm ngữ âm-âm vị học (diện đồng đại), ở cả quá trình diễn biến giúp lí giải về nguồn gốc của những biến thể nguyên âm như hiện nay (diện lịch đại) trong tiếng Việt và Mường vùng xứ Đoài - Sơn Tây có thể được xem như những bằng chứng về vị trí “chuyển tiếp” này. Trong quá trình chia tách diễn ra liên tục và lâu dài suốt 4-5 thế kỉ nêu trên, sự chia tách tại vùng chuyển tiếp Hà Tây được cho là diễn ra muộn nhất.

5.2. Một số cứ liệu liên ngành khác

- Cứ liệu dân tộc học:

Theo Nguyễn, B. (1974), vùng Mỹ Đức, Hà Tây hiện nay không còn là khu vực cư trú của người Mường, nhưng cách đây chưa đầy một thế kỉ, như được ghi trong các thư tịch, khi Mỹ Đức thuộc Mỹ Lương, vẫn còn chế độ lang đạo của xã hội Mường.

Về cơ cấu dòng họ ở xứ Đoài, họ Nguyễn và họ Đinh chiếm một tỉ lệ rất cao trong dân số ở các “Mường” (Mạc Đường, 1974). Theo ghi chép của J. Cuisinier⁸ thì hai họ này có mặt ở rất nhiều vùng Mường. Ghi chép về cơ cấu dòng họ này rất đáng chú ý vì nó gọi liên tưởng tới Nguyễn Cao và Đinh Thị Đen⁹ - bố mẹ của Tân Viên (Nguyễn Tuấn) được ghi chép trong *Tân Viên Sơn Thánh*. Đây là 3 nhân vật được cư dân Mường thờ phụng, không chỉ trong các cộng đồng mà ngay trong từng gia đình, chứng tỏ đây là những vị thần có vị trí rất sâu trong tín ngưỡng dân gian người Mường (Lâm Bá Nam, 1997).

Tư liệu điền dã năm 1968 tại các xã Minh Quang, Khánh Thượng, Ba Trại đã ghi nhận rất nhiều gia đình dạng “hỗn hợp” vợ Mường chồng Kinh (Việt), hoặc chồng Mường vợ Kinh. Số phụ nữ Việt lấy chồng Mường tại xã Khánh Thượng là 19, Minh Quang 39, Ba Trại 10. Số đàn ông Việt lấy vợ Mường tại Khánh Thượng là 12, Minh Quang 38, Ba Trại 13 (Mạc Đường, 1974). Sự hình thành các gia đình hỗn hợp kiểu này cho phép nhận diện về sự hoà hợp của hai tộc người trong quá khứ cũng như địa bàn cư trú xa xưa của cộng đồng Việt-Mường chung (Lâm Bá Nam, 1997).

- Cứ liệu khảo cổ học:

Bên cạnh các di tích thời tiền - sơ sử, Viện Khảo cổ học khi khảo sát những khu mộ Mường khu vực nam Đồng Mô và đã phát hiện được di tích của các thời kì phong kiến ở những khu này, niên đại từ thế kỉ 12-13 đến thế kỉ 15-16, tương ứng với thời Lý, Trần và Lê sơ. Nhiều di vật khảo cổ học cho thấy đến thời Lý, mộ táng Mường và Việt (Kinh) còn giống nhau đến mức kĩ lưỡng về cấu trúc, táng thức và đặc biệt là đồ tùy táng (Phạm Quốc, 2016). Đáng chú ý là những “bãi” mảnh vỡ của đồ gốm sứ Việt cổ niên đại từ thế kỉ 12-13 đến thế kỉ 15-16, chủ yếu là bát, đĩa, âu, bình, thạp... với các loại men trắng ngà, men trắng hoa nâu, men ngọc và nâu trang trí hoa cúc, hoa sen, đặc

trung của gốm men thời Lý - Trần, bên cạnh một số ít đồ gốm men trắng vẽ lam thời Lê sơ (Nguyễn Văn Đoàn 2008). Sự tương đồng về tác thức cho thấy quan niệm về “cõi chết” về “ngôi nhà” cho người quá cố không có sự khác biệt giữa hai dân tộc Việt - Mường (Phạm Quốc, 2016). Như vậy, vào giai đoạn rất muộn sau thời kì được cho là có sự phân hoá Việt - Mường, cộng đồng Mường và Việt vùng xứ Đoài, Hà Tây vẫn chia sẻ một không gian văn hoá chung.

- Cứ liệu lịch sử và văn hoá dân gian:

Theo Trần Quốc Vượng (1997), gia phả họ Đặng ở Lương Sơn, Chương Mỹ có ghi đại ý rằng khi duyệt quân ở Bạch Hạc, Hưng Đạo Vương đã “gửi” con trai út ở người Mường Quảng Oai (Ba Vì, Sơn Tây). Thế kỉ 15, ông nghệ Trần Văn Huy và sau đó là con ông - Trần Tuân - ra đời. Sau khi Trần Tuân khởi loạn chống Lê (1511), chi họ Trần này mới dời về Lương Sơn, Chương Mỹ và đổi họ thành Đặng. Như vậy, ít nhất là từ đời Trần đến nay, chân núi Ba Vì vẫn là một không gian văn hoá, xã hội của người Mường.

Sau những chuyến điền dã khắp không gian xã hội Mường từ Sơn La đến Thanh hoá, Trần Quốc Vượng ghi nhận một *nét trội* trong thế giới tâm linh của người Mường là tín ngưỡng thờ “Bua Pa Vi” (Vua Ba Vì) hay đức “Thánh Đản (Tản)”. Ông cho rằng Vị Tổ huyền thoại của người Việt - Mường là Vua Ba Vì - Thánh Đản/ Tản - Sơn Tinh. Ông còn viết “*ngay ở người Kinh - Việt, tôi chưa bao giờ tìm thấy tài liệu nào thời Lý - Trần chép về Đền thờ Tổ Hùng Vương mà chỉ thấy sách Đại Việt sử lược (cuối thế kỉ 15) chép vua Lý đi lễ đền Sơn Tinh*” [Trần Quốc Vượng, 1997]. Theo Lâm Bá Nam, không gian phân bố truyền thuyết Tản Viên gắn liền với địa bàn cư trú của cư dân Việt cổ, cũng là địa bàn hỗn cư của cư dân Việt - Mường. Hiện trên địa bàn 8 huyện, thị xã của Hà Nội có 176 di tích thờ Tản Viên Sơn Thánh thì trong đó huyện Ba Vì đã có tới 100 di tích (Kim Văn, 2018), Ba Vì được nhắc đến nhiều ở hơn 100 điểm di tích gắn với giai thoại Tản Viên Sơn Thánh (Lan Ngọc, 2016). Điều này rất chia sẻ với nhận định về vùng đất bản bộ của những cư dân Lạc Việt vốn tôn thờ Sơn Tinh (sau tách ra thành người Mường) là ở vùng quanh chân núi Tản, thuộc Ba Vì. Tích hợp các dữ liệu lịch sử, khảo cổ học, nhân học, kết hợp giữa cái nhìn đồng đại và lịch đại, Trần Quốc Vượng cho rằng tổ tiên chung của người Mường - Việt đã xuất phát từ chân núi Ba Vì, do sức ép về dân số, nhiều nhánh đã di cư xuống đồng bằng rồi hoà huyết với các cộng đồng Tây Thái cổ, Mã Lai cổ, Hoa cổ... mà thành Kinh Việt. Các nhóm khác, có nhóm từ Ba Vì, Quảng Oai “đi lên” theo mạn Thanh Thủy, Thanh Sơn, Đồn Vàng, Sơn Đồng... rồi tới Văn Chấn, Phù Yên, lại có nhóm “đi xuôi” theo đường chân núi tới Hoà Bình, rồi Thanh Nghệ... (Trần Quốc Vượng, 1997).

Có thể nói, các cứ liệu liên ngành đều hướng tới một điểm chung là vùng đất xứ Đoài, Ba Vì (bao gồm cả Quốc Oai xưa và nay) là một không gian hỗn dung văn hoá Mường - Việt. Không gian này để lại dấu ấn tương đồng trên mọi thành tố của văn hoá, trong đó có những tương đồng về ngôn ngữ.

6. Kết luận

Kết quả nghiên cứu giúp chúng tôi khẳng định một vài điểm sau:

1. Ba nguyên âm tiếng Việt, nguyên âm đôi hàng trước /ie/, hai nguyên âm đơn hàng giữa /u/, /ɤ/ và nguyên âm ngắn hàng sau tròn môi /ɔ/ ở các huyện Quốc Oai, Thạch Thất, Ba Vì có những biến thể đặc biệt. Những biến thể đó hoàn toàn khác biệt so với hầu hết các vùng thuộc phương ngữ Bắc, cùng với những biến thể thanh điệu khác biệt, những biến thể nguyên âm này góp phần làm cho tiếng nói các vùng trên đây tồn tại như những “đảo thổ ngữ”. Cho dù sự biến đổi trong nội bộ tiếng nói xứ Đoài - Sơn Tây vẫn đang thâm lắng diễn ra, những điểm “gồ ghề” trên bề mặt thổ ngữ đang dần được san phẳng nhưng sự khác biệt với những vùng lân cận vẫn còn.

2. So sánh các biến thể của ba nguyên âm trên ở Quốc Oai, Thạch Thất, Ba Vì với tiếng Việt thế kỉ 19, 17 và đặc biệt là tiếng Mường, chúng tôi đã tìm ra những tương đồng rất đáng chú ý giữa tiếng Việt với tiếng Mường ở tại những vùng này. Các dữ liệu so sánh cũng như một số kết quả của những nghiên cứu đi trước đã cho thấy các biến thể nguyên âm ở Hà Tây hiện tại hầu hết cũng tồn

tại trong tiếng Mường hiện nay. Chúng là những lưu tích, chứng thực những quá trình biến đổi đã diễn ra trong lịch sử tiếng Việt: /*e > ie/, /*ux > u/, /*u > ɤ; *e > ɤ/ và /*ɔ: > ɔ/.

3. Bên cạnh những cứ liệu ngôn ngữ, một vài bằng chứng liên ngành khác cũng hỗ trợ khá tích cực cho mối liên hệ có chiều sâu lịch sử này.

* Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài KHCN cấp ĐHQGHN, QG.20.39.

Chú thích:

¹ Cách dùng của nhà nghiên cứu Từ Chi – chuyên gia Mường học vào bậc nhất - khi ông hỏi GS. Trần Quốc Vượng “Đâu là “địa bàn gốc” của người Việt – Mường chung?”

² Các từ tương ứng trong tiếng Mường theo *Từ điển Mường – Việt* của Nguyễn Văn Khang, 2002.

³ Các từ tương ứng trong tiếng Việt theo *Từ điển Việt - Bồ - La* của A. Rhodes, 1651.

⁴ Các từ tương ứng trong tiếng Việt theo *Nam Việt Dương Hiệp Tự Vị* của J.L. Tabert, 1838.

⁵ Vần /uj/ tiếng Việt chỉ xuất hiện trong 4 âm tiết “cử”, “chử”, “gửi” và “ngử”, các từ ngữ chứa chúng cũng rất hữu hạn.

⁶ Các từ tương ứng trong tiếng Mường theo *Ngữ âm tiếng Mường qua các phương ngôn* của Nguyễn Văn Tài, 2005.

⁷ Cách gọi “làng” của người Mường.

⁸ J. Cuisinier, *Le Mường (Géographie Humaine et Sociologie)*, Paris, 1948 (Dẫn theo Lâm Bá Nam, 1997).

⁹ Một số tài liệu khác viết là *Đình Thị Đeng* (Trần Quốc Vượng, 1997; Đặng Văn Tu, Nguyễn Tá Nhí, 2011)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alves J, Mark (1995), *Tonal Features and the Development of Vietnamese Tones*, Working papers in linguistics, Department of Linguistics, University of Hawaii, 27: 1-14.
2. Andrea Hoa Pham (2016), "Sự biến âm trong văn tiếng Việt: Thổ ngữ làng Hến, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh", Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 11.
3. Nguyễn Tài Cẩn (1995), *Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Hoàng Thị Châu (2004), *Phương ngữ học tiếng Việt*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội (Xuất bản lần đầu: *Tiếng Việt trên các miền đất nước*, Nxb KHXH, 1989).
5. Hoàng Thị Châu (2014), *Thổ ngữ và làng xã Việt Nam*, trong “Hợp lưu những dòng suy tư về địa danh, phương ngữ và ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam”, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
6. Trần Trí Dõi (2011), *Giáo trình lịch sử tiếng Việt*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
7. Phạm Đức Dương (1983), *Nguồn gốc tiếng Việt từ tiếng Việt - Mường đến Việt - Mường chung*, trong *Tiếp xúc ngôn ngữ ở Đông Nam Á*, Viện Đông Nam Á xuất bản, Hà Nội.
8. Phạm Đức Dương (1997), *Kinh Bắc - nơi diễn ra sự tiếp xúc Việt Hán, Xứ Đoài - nơi bảo lưu cơ tầng văn hoá lúa nước của thủ đô Thăng Long*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 2.1997, tr.16-20.
9. Nguyễn Văn Đoàn (2008), *Những khu mộ Mường khu vực nam Đồng Mô (Sơn Tây, Hà Tây)*, Website của Bảo tàng lịch sử quốc gia Việt Nam, 05/09/2008.
10. Mạc Đường (1974), "Quan hệ dòng họ và thành phần tộc người trong gia đình hỗn hợp ở miền núi Hà Tây", Tạp chí *Dân tộc học*, số 4.
11. Haudricourt, A.G. (1954), *Về nguồn gốc các thanh của tiếng Việt*, (Hoàng Tuệ dịch), In trong “Những bài viết về lịch sử tiếng Việt” - Trần Trí Dõi biên soạn, Hà Nội, 1997.
12. Nguyễn Hữu Hoàn, Bùi Thị Ngọc Anh, Hoàng Ngọc Tuệ (2022), *Cuối language description and extensive glossary*, JSEALS Special Publication No. 10, University of Hawai'i Press.

13. Lê Quốc Hưng (2017), *Biến thể ngữ âm đánh dấu ở huyện Quốc Oai và không gian hành chức của chúng trên bản đồ*, Luận văn Thạc sĩ Ngôn ngữ học, Trường Đại học KHXH & NV.
14. Nguyễn Văn Khang (chủ biên) (2002), *Từ điển Mường - Việt*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
15. Nguyễn Văn Khang (2012), *Ngôn ngữ học xã hội*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
16. Trịnh Cẩm Lan (2017), *Tiếng Hà Nội - từ hướng tiếp cận phương ngữ học xã hội*, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
17. Nguyễn Văn Lợi (2009), "Giọng nói xứ Đoài: đặc điểm và lịch sử", Tạp chí *Từ điển học và Bách khoa thư*, số 2.
18. Lâm Bá Nam (1997), *Người Mường ở Ba Vì (Những ghi chép dân tộc học)*, Kì yếu Hội thảo *Sơn Tinh và vùng văn hoá cổ Ba Vì*, Sở Văn hoá thông tin tỉnh Hà Tây.
19. Lâm Bá Nam (1998), *Người Mường ở Ba Vì và mối quan hệ Việt - Mường*, Kì yếu Hội thảo Quốc tế *Việt Nam học lần thứ Nhất*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
20. Phạm Quốc (2016), *Dân tộc Mường có từ bao giờ?*, Tạp chí *Thế giới di sản* (online), 08/03/2016 10:03.
21. Rhodes, A. (2021), *Từ điển Việt - Bồ - La 1651*, Nxb Tôn giáo, TP.HCM.
22. Tabert J.L.(1838), *Nam Việt Dương Hiệp Tự Vị*, Singapore.
23. Nguyễn Văn Tài (1972), *So sánh hệ thống ngữ âm tiếng Mường một số vùng quanh Hòa Bình*, In trong *Tìm hiểu ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, Hà Nội.
24. Nguyễn Văn Tài (2005), *Ngữ âm tiếng Mường qua các phương ngôn*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
25. Nguyễn Tài Thái (2015), *Đặc điểm ngữ âm tiếng Sơn Tây*, Luận án Tiến sĩ Ngôn ngữ học, Viện Hàn Lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Ngôn ngữ học.
26. Đoàn Thiện Thuật (2003), *Ngữ âm tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
27. Đặng Văn Tu, Nguyễn Tá Nhì (2011), *Địa chí Hà Tây*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
28. Trần Quốc Vượng (1997), *Tổng kết hội thảo về Sơn Tinh và vùng văn hoá cổ Ba Vì*, Kì yếu Hội thảo *Sơn Tinh và vùng văn hoá cổ Ba Vì*, Sở Văn hoá thông tin tỉnh Hà Tây.

Research on Son Tay vowels

(In the case of Quoc Oai, Thach That and Ba Vi districts)

Abstract: Based on the investigation of local phonetic variations in the districts of Quoc Oai, Thach That, and Ba Vi, the paper analyzes the changes of some vowels in the above regions. There are 4 vowels in the system that appear in notable differences: /ie/, /u/, /ɤ/ and /ɔ/.

Survey current Muong data, 17th century Vietnamese data (via A.de. Rhodes Dictionary) and 19th century Vietnamese data (via Tabert Dictionary) and compare with some other research results, we identify the variants of the four vowels mentioned above as archaic variants, which corroborate some changes in Vietnamese history: *e > ie, *uɤ > u, *u > ɤ và *ɔ > ɔ̃. These changes have left some traces of them in a number of Vietnamese dialects, especially in areas with contact with the Muong language.

To support the analysis and discussion, some geo-historical data reflecting the linguistic, cultural and ethnic relationships and linguistic data on the Viet-Muong separation process will also be used to better explain the linguistic origins and historical scenarios that took place during the development stages of Vietnamese in this region. The paper hopes to promote research to record the characteristics of ancient dialects before they disappear in the whirlwind of modernization, urbanization and dialect leveling.

Key words: Ha Tay dialect; dialect; single vowel; diphthong; short vowel; long vowel.